

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Vị

2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện S, tỉnh V (nay là xã S, tỉnh Ph).

Bị đơn: Anh Bùi Đình H, sinh năm 1976, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Ph (nay là xã S, tỉnh Ph).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2025 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thẩm trình bày:

Bà và vợ chồng anh H là hàng xóm láng giềng. Ngày 28/02/2023, anh H có mở xưởng bán xi sắt và bán đá xây dựng, anh H có lên hỏi bà vay số tiền 50.000.000

đồng (Năm mươi triệu đồng) để lấy bàn ghế đá về bán. Do quan hệ hàng xóm láng giềng quen biết nên bà có cho anh H vay 50.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không thể hiện thời gian trả nợ, nhưng có thỏa thuận ngoài với nhau về lãi suất 1%/tháng, còn thời gian trả nợ là có thỏa thuận khi nào bà cưới con thì anh Hùng phải trả. Khi bà chuẩn bị cưới con, bà có lên đòi tiền nhưng anh H không trả, bà có nói chuyện với cả chị H vợ anh H về việc vay nợ, chị H có nói rằng anh H có về nói chuyện việc vay nợ, vợ chồng anh chị còn vay cả ngân hàng chứ không chỉ vay mượn mỗi của bà.

Đến đầu năm 2024, bà có làm đơn ra UBND xã Đ (cũ) đề nghị giải quyết, anh H có thừa nhận số vay này, anh Hùng có hứa trả nhưng sau đó cũng không trả. Tổng số tiền lãi anh H đã thanh toán cho bà là: 3.500.000 đồng (từ tháng 02 đến tháng 10/2023).

Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ giải quyết buộc anh Hùng phải trả lại cho bà số tiền gốc: 50.000.000 đồng cùng lãi suất từ tháng 11/2023 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Đình H trình bày: Anh và bà Nguyễn Thị Th là hàng xóm láng giềng với nhau. Do cần tiền để làm ăn nên ngày 28/02/2023 anh có đến hỏi vay của bà Th số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bà Th đã đồng ý và đưa tiền cho anh, bà Th là người viết giấy vay, anh đã ký vào đó. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn, nhưng sau đó một thời gian bà Th có nói với anh khi nào cưới con trai thì bà sẽ lấy lại. Mục đích anh vay để chi tiêu cá nhân, số tiền này là tự anh vay không liên quan gì đến vợ anh, vợ anh không biết gì về việc anh vay tiền của bà Th. Từ khi vay đến nay anh chưa thanh toán cho bà Th số tiền gốc nào, vì con trai bà Th cũng đang nợ anh, anh có nói với bà Th khi nào con trai bà là anh Nguyễn Mạnh C trả thì anh sẽ trả, nhưng con trai bà Th cũng chưa trả anh, còn tiền lãi anh không nhớ có trả bà lần nào không. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu anh trả lại 50.000.000 đồng tiền gốc anh đồng ý trả, còn đối với lãi suất bà Th yêu cầu theo quy định của pháp luật kể từ tháng 11/2023 đến nay thì anh không đồng ý vì trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: xác định việc vay nợ giữa bà Th và anh H là có thật, anh H xác định vay chi tiêu cá nhân, việc bà Th khởi kiện

anh H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Buộc anh H phải trả lại bà Th 50.000.000 đồng tiền gốc và cùng lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 bà Nguyễn Thị Th khởi kiện anh Bùi Đình H trú tại thôn Ch, xã S, tỉnh Ph (xã Đ, huyện S, tỉnh V cũ). Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ), nay là Tòa án khu vực 11 đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về xác định tư cách tố tụng: Trong đơn bà Th khởi kiện anh Bùi Đình H và chị Nguyễn Thị Dung H, sinh năm 1983 (vợ anh H). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th xác định anh H là người đến nhà bà vay, chị H không biết, đến khi bà đến đòi thì chị H mới biết, anh H cũng xác định chị H không liên quan gì đến khoản vay này. Tại phiên tòa, bà Th cũng chỉ yêu cầu một mình anh H trả lại cho bà số tiền đã vay cùng lãi suất mà không yêu cầu chị H cùng phải trả. Nên Hội đồng xét xử không xác định chị H là đồng bị đơn trong vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Th, anh Bùi Đình H có đến nhà hỏi vay bà số tiền 50.000.000 đồng từ tháng 02/2023. Khi vay, hai bên có viết giấy biên nhận nợ, trong giấy không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời gian trả nợ, nhưng bà Th xác nhận anh H đã trả được cho bà được số tiền lãi là 3.500.000 đồng, sau đó không trả nữa. Bà đã đòi anh H nhiều lần nhưng anh H không trả. Nay bà yêu cầu anh H trả lại số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và lãi suất.

Qua xem xét yêu cầu đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà Th cho anh H vay tiền như nội dung giấy vay nợ bà Th cung cấp là có thật, bản thân anh H cũng thừa nhận có việc vay nợ. Nay anh H đồng ý trả lại bà Th tiền gốc nhưng không đồng ý trả lãi. Như vậy, cần xác định việc bà Nguyễn Thị Th khởi kiện anh H là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu lãi suất của bà Th về buộc anh H phải thanh toán lãi suất theo mức quy định của pháp luật kể từ tháng 11/2023 đến nay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế bà Th xác định anh H có trả cho bà được số tiền 3.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: “ *Trường*

hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Tại khoản 2 Điều 468 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy, trong trường hợp này, giữa bà Th và anh Hg không thỏa thuận cụ thể lãi suất là bao nhiêu, nhưng thực tế có thanh toán lãi suất, nay bà Th yêu cầu mức lãi suất theo quy định của pháp luật, là 50% mức giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 (20%/năm), nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức 10%/năm (0,83%/ tháng) x 50.000.000 đồng x 21 tháng (từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2025) = 8.715.000 đồng.

Căn buộc anh Bùi Đình H phải trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và 8.715.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền buộc anh H phải thanh toán cho bà Th là 58.715.000 đồng.

Về án phí: anh Bùi Đình Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ về giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với anh Bùi Đình H:

Buộc anh anh Bùi Đình H phải trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và 8.715.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền anh H phải thanh toán cho bà Th là 58.715.000 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm mười năm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng

với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Đình H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.935.750 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai số: 0001203 ngày 28/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11.
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

